

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HSST
Ngày: 28-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Minh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và ông Nguyễn T Tịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Hữu H**, tên gọi khác: H. Sinh năm 1961, tại tỉnh Nghệ An. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn 7, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo. Trình độ học vấn: 7/10. Con ông: Nguyễn Hồng T (chết), con bà: Nguyễn Thị M (chết). Bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 6 anh, chị, em. Vợ: Hồ Thị B, sinh năm 1965. Bị cáo có 5 con, con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 2002. Hiện cùng trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Tiền sự: Không. Tiền án: 01 tiền án về tội Đánh bạc.

- Bản án số 34/2019/HSST ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông xử phạt 30.000.000 đồng về tội Đánh bạc; 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 23/4/2020 chấp hành xong toàn bộ bản án (*chưa được xóa án tích*).

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: bị bắt tạm giữ từ ngày 01/4/2020 đến ngày 10/4/2020 chuyển tạm giam. Được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh từ ngày 13/5/2020 cho đến nay.

2. Họ và tên: **Nguyễn Quốc Đ**, tên gọi khác: Tèo. Giới tính: Nam. Sinh năm 1990, tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo. Trình độ học vấn: 4/12. Con ông: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1966, Chỗ ở: thôn 1, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; con bà: Nguyễn Thị H, sinh

năm 1971, hiện sống tại thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Bị cáo là con thứ 1 trong gia đình có 3 anh, em. Tiền sự: Không. Tiền án: 01 tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Bản án số 76/2013/HSST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 07 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy; phạt bổ sung 5.000.000 đồng; 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 05/5/2019 chấp hành xong hình phạt tù và 40.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Còn 160.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 5.000.000 đồng tiền phạt bổ sung chưa thi hành (chưa được xóa án tích).

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/4/2020 cho đến nay.

3. Họ và tên: **Hồ Thị B**, tên gọi khác: Không. Giới tính: Nữ. Sinh năm 1965, tại tỉnh Nghệ An. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn 7, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo. Trình độ học vấn: 3/12. Con ông: Hồ Ngọc V, sinh năm 1935, con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1937, hiện cùng trú tại xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 8 anh, chị, em. Chồng: Nguyễn Hữu H, sinh năm 1961. Bị cáo có 5 con, con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 2002. Hiện cùng trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tiền sự - Tiền án: không.

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/4/2020 cho đến nay.

4. Họ và tên: **Bùi Thị T**, tên gọi khác: Không. Giới tính: Nữ. Sinh năm 1969, tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 4/12. Con ông: Bùi Xuân T (chết), con bà: Vũ Thị C (chết). Bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 3 chị, em. Chồng: Nguyễn Xuân D, sinh năm 1965. Bị cáo có 2 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1993. Hiện cùng trú tại thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tiền sự - Tiền án: không.

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/4/2020 cho đến nay.

5. Họ và tên: **Võ Đình T**, tên gọi khác: B. Giới tính: Nam. Sinh năm 1987, tại tỉnh Quảng Nam. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Làm nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 6/12. Con ông: Không xác định được bố đẻ, con bà: Võ Thị H, sinh năm 1953. Hiện trú tại xã H, TP. B, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo là con thứ 4 trong gia đình có 5 anh, chị, em. Vợ: Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1990. Bị cáo có 2 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014. Hiện cùng sống tại thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tiền sự - Tiền án: Không.

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/4/2020 cho đến nay.

6. Họ và tên: **Nguyễn T**, tên gọi khác: Tiểu. Giới tính: Nam. Sinh năm 1967, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 6/10. Con ông: Nguyễn N (chết), con bà: Trần Thị B (chết). Bị cáo là con thứ 7 trong gia đình có 9 anh, chị, em. Vợ: Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1969 (đã ly hôn).

Bị cáo có 4 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 2001. Hiện cùng sống tại thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tiền sự - Tiền án: Không.

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/4/2020 cho đến nay.

7. Họ và tên: **Trần Thị T**, tên gọi khác: Không. Giới tính: Nữ. Sinh năm 1971, tại tỉnh Nghệ An. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo. Trình độ học vấn: 6/12. Con ông: Trần Văn H (chết), con bà: Hoàng Thị Đ (chết). Bị cáo là con thứ 1 trong gia đình có 6 chị, em. Chồng: Nguyễn Xuân S, sinh năm 1965. Bị cáo có 5 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1999. Hiện cùng trú tại thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tiền sự - Tiền án: không.

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/4/2020 cho đến nay.

8. Họ và tên: **Nguyễn Xuân S**, tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam; Sinh năm 1990, tại tỉnh Nghệ An. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Làm nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo. Trình độ học vấn: 5/12. Con ông: Nguyễn Xuân S, sinh năm 1965; con bà: Trần Thị T, sinh năm 1971. Hiện cùng trú tại: thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Bị cáo là con thứ 1 trong gia đình có 5 anh, em. Tiền sự: Không. Tiền án: 01 tiền án về tội cướp tài sản và tội trộm cắp tài sản.

- Bản án số 34/2011/HS-ST ngày 10/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xử phạt 06 năm tù về tội cướp tài sản; 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt là 07 năm 06 tháng tù; 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 15/3/2018 chấp hành xong toàn bộ bản án (chưa được xóa án tích).

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/4/2020 cho đến nay.

9. Họ và tên: **Trần Văn T**, tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh năm 1978, tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 2/12. Con ông: Trần Văn Q, sinh năm 1949, con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1953. Hiện cùng trú tại: xã Quảng T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo là con thứ 4 trong gia đình có 5 anh, chị, em. Vợ: Bùi Thị H, sinh năm 1984. Bị cáo có 2 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009. Hiện cùng sống tại thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tiền sự - Tiền án: Không.

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/4/2020 cho đến nay.

10. Họ và tên: **Lê Thị Đ**, tên gọi khác: Không. Giới tính: Nữ. Sinh năm 1973, tại tỉnh Bình Định. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 09/12. Con ông: Lê Văn A, sinh năm 1942, con bà: Nguyễn Thị D, sinh năm 1943. Hiện cùng trú tại thôn Hòa Đ, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 6 anh, em. Chồng: Nguyễn Văn A, sinh năm 1969 (đã ly hôn). Con: Nguyễn Thị H, sinh năm 1991. Cùng trú tại thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Tiền sự: Không. Tiền án: Không.

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/4/2020 cho đến nay.

11. Họ và tên: **Nguyễn Thanh P**, tên gọi khác: P. Giới tính: Nam. Sinh năm 1983, tại tỉnh Đắk Nông. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Con ông: Nguyễn Thanh L, sinh năm 1956, con bà: Trần Thị L, sinh năm 1958. Hiện cùng trú tại: thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Bị cáo là con thứ 1 trong gia đình có 5 anh, em. Vợ: Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1987. Bị cáo có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2013. Hiện cùng sống tại thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tiền sự - Tiền án: Không.

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/4/2020 cho đến nay.

12. Họ và tên: **Đặng Thành H**, tên gọi khác: H. Giới tính: Nam. Sinh năm 1960, tại tỉnh Bình Định. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn 11, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo. Trình độ học vấn: 6/12. Con ông: Đặng S, sinh năm 1936 (chết), con bà: Lê Thị T, sinh năm 1939 (chết). Bị cáo là con thứ 4 trong gia đình có 6 anh, chị, em. Vợ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1968. Bị cáo có 5 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2005. Hiện cùng trú tại thôn 11, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tiền sự: Không. Tiền án: 03 tiền án (trong đó: 01 tiền án về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng; 01 tiền án về tội đánh bạc; 01 tiền án về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc và gá bạc).

- Bản án số 125/HSST ngày 09/7/2004 của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 07 tháng tù về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng; phạt bổ sung 1.000.000 đồng; 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

- Bản án số 16/2005/HSST ngày 27/4/2005 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xử phạt 7.000.000 đồng về tội Đánh bạc; 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 31/7/2009 chấp hành xong toàn bộ bản án.

- Bản án số 79/2009/HSST ngày 4, 5/8/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Đánh bạc, 04 năm tù về tội tổ chức đánh

bạc và gá bạc. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cả 2 tội là 07 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù của bản án số 74/2009/HSPT ngày 10/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 10 năm 06 tháng tù; phạt bổ sung 30.000.000 đồng; truy thu 67.500.000 đồng; 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bản án số 13/2009/HSPT ngày 22/10/2009 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Đánh bạc, 04 năm tù về tội tổ chức đánh bạc và gá bạc. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cả 2 tội là 07 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù của bản án số 74/2009/HSPT ngày 10/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 10 năm 06 tháng tù; 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Ngày 26/7/2018 chấp hành xong hình phạt tù; chấp hành xong 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm và 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung. Chưa chấp hành 20.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 67.500.000 đồng tiền truy thu (*bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm*).

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: bị bắt tạm giữ từ ngày 01/4/2020 đến ngày 09/4/2020. Được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/4/2020 cho đến nay.

13. Họ và tên: **Đặng Thái S**, tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh năm 1988, tại tỉnh Nghệ An. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn 1, xã Đắk R'la, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Con ông: Đặng Tiến D, sinh năm 1961, con bà: Đinh Thị N, sinh năm 1965. Hiện cùng trú tại thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 2 anh, em. Vợ: Huỳnh Minh T, sinh năm 1997. Bị cáo có 1 con, sinh năm 2019. Hiện cùng trú tại thôn 5, xã Đắk R'la, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Tiền sự - Tiền án: Không.

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/6/2020 cho đến nay.

14. Họ và tên: **Nguyễn Xuân S**, tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh năm 1965, tại tỉnh Nghệ An. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo. Trình độ học vấn: 5/12. Con ông: Nguyễn Xuân L (chết), con bà: Ngô Thị B (chết). Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 4 anh, em. Vợ: Trần Thị T, sinh năm 1971. Bị cáo có 5 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1997. Hiện cùng trú tại thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tiền sự - Tiền án: Không.

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2020. Được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh từ ngày 03/8/2020 cho đến nay.

15. Họ và tên: **Nguyễn Sơn T**, tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh năm 1992, tại tỉnh Đắk Nông. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 8/12. Con ông: Nguyễn Đình A, sinh năm 1966 (chết), con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1967. Hiện trú tại thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Bị cáo là con thứ 1 trong gia đình có 3 anh, em. Vợ: Nguyễn Nhật Nam, sinh năm 2000. Bị cáo có 1 con sinh năm 2019. Hiện cùng trú tại thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tiền sự - Tiền án: Không.

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2020. Được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh từ ngày 03/8/2020 cho đến nay.

(Tất cả 15 bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người làm chứng:

1. Ông Đinh Văn T, sinh năm 1956; Trú tại: thôn 02, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; Trú tại: thôn 02, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Như Y, sinh năm 1991; Trú tại: thôn 11, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

4. Ông Đào Trọng T, sinh năm 1990; Trú tại: thôn 05, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; Trú tại: thôn 02, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11^h ngày 31/3/2020, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Quốc Đ, Nguyễn T, Võ Đình T, Trần Văn T, Lê Thị Đ cùng rủ nhau đánh bạc ăn tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa thì tất cả đều đồng ý. Để tránh bị phát hiện nên H, Đ, T, T, T, Đ rủ nhau đến vườn điều bỏ hoang phía sau Ủy ban nhân dân xã Đắk R'la, thuộc thôn Tân Sơn, xã Long Sơn, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông để đánh bạc.

Khi đi, Huệ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47F8 – 9769 chở theo vợ là Hồ Thị B, Tiến điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48F9 – 4219 và mang theo 01 tờ giấy đôi kẻ ô ly, trên giấy có vẽ các hình tròn (bảng vị sen ko), Đoàn điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48E1 – 06234, và mang theo 01 đĩa sứ, 01 chiếu nhựa màu xanh, 01 kéo màu xanh, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá, Trường điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48H1 – 7732 chở Tuấn, Lê Thị Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47H1 – 8529, trên đường đi có thêm Bùi Thị T điều khiển xe mô tô không biển kiểm soát, kiểu dáng xe Max cùng đi. Tại địa điểm đánh bạc, Tuấn lấy 01 chén nhựa, 01 đĩa sứ và sử dụng 01 kéo màu xanh cắt từ lá bài tú lơ khơ 52 lá thành 04 quân vị, có dạng hình tròn kích thước bằng nhau rồi H, Đ, T, T, T, Đ, Bình và Tâm tiến hành đánh bạc.

Cách thức chơi như sau: Hình thức đánh bạc như sau: người cầm cái cho 4 quân vị hình tròn được cắt ra từ quân bài tú lơ khơ (có hai mặt khác màu nhau) rồi

bỏ vào đĩa, sau đó úp chén (bát) lên đĩa rồi xóc lên, xuống nhiều lần, khi không xóc nữa thì bỏ xuống chiếu bạc, để các con bạc đặt cược chắn, lẻ theo quy ước: chắn là có 2 hoặc 4 con vị cùng một màu, lẻ là có 1 hoặc 3 con vị cùng một màu. Con bạc đặt tiền vào bên chắn hoặc bên lẻ bên trái hay bên phải theo quy ước của người cầm cái. Sau khi các con bạc đặt tiền xong thì người cầm cái mở chén, nếu mở chén ra chắn thì người cầm cái được ăn số tiền bên lẻ và phải trả tiền cho bên chắn bằng số tiền con bạc đã đặt cược và ngược lại. Toàn bộ tiền dùng đánh bạc người cầm cái và các con bạc đều bỏ trên chiếu bạc trước vị trí ngòi. Trong mỗi ván bạc, khi con bạc đặt tiền, người cầm cái được quyền ăn thua hoặc không ăn thua, nếu người cầm cái không ăn thua thì nói bán chắn hoặc bán lẻ, nếu con bạc muốn ăn thua thì ăn thua với con bạc đặt cược mặt chắn hoặc lẻ ngược với mình, tỷ lệ ăn, thua trong cách đánh chắn lẻ là 1:1, nếu không có ai ăn thua với con bạc trong ván bạc thì con bạc cầm tiền về. Ngoài ra, trên chiếu bạc còn một cách đánh khác gọi là đánh sen ko, quy ước 03 sấp 01 ngựa và 03 ngựa 01 sấp nếu các con bạc đánh trúng thì tỷ lệ ăn là 1:3 và tỷ lệ ăn là 1:10 đối với 04 sấp hoặc 04 ngựa. Quá trình đánh bạc không quy định mức tiền đặt cược trong mỗi ván, thời gian mỗi ván bạc giao động trung bình từ 05 phút đến 10 phút.

Khi H, Đ, T, T, T, Đ, Bình và Tâm đang đánh bạc thì có Đặng Thành H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47H1 – 1599 chở Đặng Thái S, Nguyễn Thị H (sinh năm 1985) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48F7 – 8772 chở Nguyễn Xuân S, Nguyễn Xuân S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48E1 – 152.41 chở Trần Thị T, Nguyễn Thanh P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48E1 – 050.24, Nguyễn Như Y điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48E1 – 320.07 chở Nguyễn Sơn T, Đào Trọng Thế điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 115.45, còn Đinh Văn T, Nguyễn Thị H đi nhờ xe của người dân đến địa điểm đánh bạc và Huy, Sâm, Sỹ, Thương, Phương, Sơn, Thanh tham gia đánh bạc; các đối tượng Thành, Thế, Ý, Hiền, Hồng không tham gia đánh bạc.

Đến 16^h cùng ngày, khi H, Đ, T, T, T, Đ, Bình, Tâm, Huy, Sâm, Sỹ, Thương, Phương, Sơn và Thanh đang đánh bạc được thua bằng tiền thì bị lực lượng Công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông phát hiện và bắt quả tang, quá trình bắt quả tang, Đoàn, Tiến, Trường, Bình, Sâm, Sỹ, Phương, Sơn và Thanh bỏ chạy thoát (riêng Đặng Thái S đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk Mil đầu thú vào ngày 22/6/2020).

Tang vật vụ án thu giữ gồm: thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.330.000 đồng; 01 chén nhựa; 01 đĩa sứ bị vỡ; 04 quân vị hình tròn; 01 chiếu nhựa màu xanh; 01 kéo màu xanh; 01 bảng vị sen ko được làm bằng tờ giấy đôi kẻ ô ly; thu trên người các con bạc số tiền 35.080.000 đồng (trong đó: Nguyễn Hữu H 4.880.000 đồng; Lê Thị Đ 4.000.000 đồng; Trần Thị T 25.000.000 đồng; Bùi Thị T số tiền: 1.200.000 đồng); thu giữ của Đinh Văn T 600.000 đồng; Nguyễn Thị H 9.000.000

đồng; thu giữ của Nguyễn Hữu H 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, loại A37f có gắn sim số thuê bao 0825.699.710; Đinh Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu MOBIISTAR, màu trắng có gắn sim số thuê bao 0965.696.922; Đặng Thành H 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA, màu xám – đen, có gắn sim số thuê bao 0934.411.119.

Thu giữ: 01 xe mô tô kiểu dáng Max, biển kiểm soát 70T1- 4491 (đã mất biển kiểm soát), số máy RMWDCG1MW7H016635, Số khung VZS150FMG016635; 01 xe mô tô màu đen-xanh, biển kiểm soát 48F9 – 4219; 01 xe mô tô honda Wave RSX, màu đen- đỏ, biển kiểm soát 48H1 – 7732; 01 xe mô tô kiểu dáng Dream, biển kiểm soát 48E1 – 062.34; 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 48E1 – 11546; 01 xe mô tô hiệu honda, loại Vision, biển kiểm soát 48E1 – 263.88; 01 xe mô tô hiệu Sufat, loại C110 màu xanh, biển kiểm soát 48F7 – 8772; 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu vàng - đen, biển kiểm soát 47H7 – 1599; 01 xe mô tô hiệu honda, loại Winner x, màu xanh-bạc-đen, biển kiểm soát 48E1 – 320.07; 01 xe mô tô kiểu Dream, biển kiểm soát 47H1 – 8529; 01 xe mô tô hiệu Hadosiva màu nâu, biển kiểm soát 47F8 – 9769; 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đen-trắng, biển kiểm soát 48E1 – 050.24.

Quá trình điều tra Nguyễn T giao nộp 800.000 đồng; Nguyễn Quốc Đ giao nộp 300.000 đồng và 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG, loại Galaxy J6 màu vàng có gắn sim số thuê bao 0352.565.593; Nguyễn Sơn T giao nộp 1.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 41/CTr – VKS ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil truy tố bị cáo Đặng Thành H về tội Đánh bạc, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Quốc Đ, Trần Văn T, Trần Thị T, Võ Đình T, Nguyễn Xuân S, Nguyễn T, Hồ Thị B, Nguyễn Thanh P, Bùi Thị T, Lê Thị Đ, Đặng Thái S, Nguyễn Xuân S và Nguyễn Sơn T về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Quốc Đ, Trần Văn T, Trần Thị T, Võ Đình T, Nguyễn Xuân S, Nguyễn T, Hồ Thị B, Nguyễn Thanh P, Bùi Thị T, Lê Thị Đ, Đặng Thái S, Đặng Thành H, Nguyễn Xuân S và Nguyễn Sơn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Quốc Đ, Trần Văn T, Trần Thị T, Võ Đình T, Nguyễn Xuân S, Nguyễn T, Hồ Thị B,

Nguyễn Thanh P, Bùi Thị T, Lê Thị Đ, Đặng Thái S, Đặng Thành H, Nguyễn Xuân S và Nguyễn Sơn T về tội “Đánh bạc”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

1. Về hình phạt:

1.1 Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Đặng Thành H** (H) từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu H** (H) từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.3 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc Đ** (Tèo) từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.4 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân S** từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.5 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Đặng Thái S** từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.6 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Võ Đình T** từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, thời hạn nộp tiền tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.7 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Lê Thị Đ** từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, thời hạn nộp tiền tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.8 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo **Hồ Thị B** từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, thời hạn nộp tiền tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.9 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo **Bùi Thị T** từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sở thẩm.

Giao bị cáo Bùi Thị T về cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nơi bị cáo cư trú và gia đình phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

1.10 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo **Nguyễn T** (Tiểu) từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sở thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn T về cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nơi bị cáo cư trú và gia đình phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

1.11 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo **Trần Thị T** từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị Phương về cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nơi bị cáo cư trú và gia đình phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

1.12 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo **Trần Văn T** từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn T về cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nơi bị cáo cư trú và gia đình phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

1.13 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo **Nguyễn Thanh P (P)** từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thanh Phương về cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nơi bị cáo cư trú và gia đình phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

1.14 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo **Nguyễn Xuân S** từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân S về cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nơi bị cáo cư trú và gia đình phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

1.15 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo **Nguyễn Sơn T** từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Sơn T về cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nơi bị cáo cư trú và gia đình phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ và ra quyết định xử lý vật chứng trả lại:

+ 01 xe mô tô kiểu dáng Max, biển kiểm soát 70T1-4491 (đã mất biển kiểm soát), số máy: RMWDCG1MW7H016635, Số khung: VZS150FMG016635 cho bà Bùi Thị T là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô màu đen-xanh, biển kiểm soát 48F9 – 4219 cho ông Nguyễn T là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô honda Wave RSX, màu đen- đỏ, biển kiểm soát 48H1 – 7732 cho bà Bùi Thị Hoa là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô kiểu dáng Dream, biển kiểm soát 48E1 – 062.34 cho ông Nguyễn T Cường là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 48E1 – 115.46 cho ông Đào Trọng Thế là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu honda, loại Vision, biển kiểm soát 48E1 – 263.88 cho bà Đào Thị Miều là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu Sufat, loại C110 màu xanh, biển kiểm soát 48F7 – 8772 cho bà Nguyễn Thị H là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu vàng - đen, biển kiểm soát 47H7 – 1599 và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA, màu xám – đen, có gắn sim số thuê bao 0934.411.119 cho ông Đặng Thành H là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu honda, loại Winner x, màu xanh-bạc-đen, biển kiểm soát 48E1 – 320.07 cho ông Nguyễn Như Y là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô kiểu Dream, biển kiểm soát 47H1 – 8529 cho bà Đào Thị Bích Nga là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu Hadosiva màu nâu, biển kiểm soát 47F8 – 9769 cho ông Nguyễn Văn Hoan là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đen-trắng, biển kiểm soát 48E1 – 050.24 cho ông Nguyễn Thanh P là chủ sở hữu.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, loại A37f có gắn sim số thuê bao 0825.699.710 cho ông Nguyễn Hữu H là chủ sở hữu.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu MOBIISTAR, màu trắng có gắn sim số thuê bao 0965.696.922 và 600.000 đồng cho ông Đinh Văn T là chủ sở hữu.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG, loại Galaxy J6 màu vàng có gắn sim số thuê bao 0352.565.593 cho ông Nguyễn Quốc Đ là chủ sở hữu.

+ Số tiền 9.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H là chủ sở hữu.

- Đối với 01 chén nhựa; 01 đĩa sứ bị vỡ; 04 quân vị hình tròn; 01 chiếc nhựa màu xanh; 01 kéo màu xanh; 01 bảng vị sen ko được làm bằng tờ giấy đôi kẻ ô ly, là công cụ phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy vì không có giá trị sử dụng.

- Đối với số tiền 41.310.000 đồng các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 1.200.000 đồng thu giữ của Bùi Thị T, kết quả điều tra đã chứng minh số tiền này Tâm không sử dụng vào mục đích đánh bạc, cần trả lại cho bị cáo Bùi Thị T.

Các bị cáo không bào chữa, không tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt khi được nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi khách quan và hậu quả do hành vi khách quan của các bị cáo gây ra, các bị cáo khai nhận như sau:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với người liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khoảng 11^h đến 16^h00' ngày 31/3/2020, tại khu vực vườn điều bở hoang thuộc thôn Tân Sơn, xã Long Sơn, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, Đặng Thành H, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Quốc Đ, Trần Văn T, Trần Thị T, Võ Đình T, Nguyễn Xuân S, Nguyễn T, Hồ Thị B, Nguyễn Thanh P, Bùi Thị T, Lê Thị Đ, Đặng Thái S, Nguyễn Xuân S và Nguyễn Sơn T có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền với số tiền luân chuyển trên chiếu bạc là 41.310.000 đồng.

Xét quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Bị cáo Đặng Thành H về tội Đánh bạc, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Quốc Đ, Trần Văn T, Trần Thị T, Võ Đình T, Nguyễn Xuân S, Nguyễn T, Hồ Thị B, Nguyễn Thanh

P, Bùi Thị T, Lê Thị Đ, Đặng Thái S, Nguyễn Xuân S và Nguyễn Sơn T về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...
d) Tái phạm nguy hiểm”.

[3] Đánh giá tính chất vụ án:

Xét tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do háms lợi và xem thường pháp luật của Nhà nước nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền với số tiền luân chuyển trên chiếu bạc là 41.310.000 đồng. Hành vi đánh bạc của các bị cáo là tệ nạn xã hội, là nguyên nhân gây ra các hậu quả nghiêm trọng khác, gây tác hại xấu cho xã hội về nhiều mặt. Vì vậy, nên cần xử phạt các bị cáo một hình phạt đủ nghiêm để giáo dục cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về nhân thân các bị cáo:

- Đối với các bị cáo Trần Văn T, Trần Thị T, Nguyễn T, Nguyễn Thanh P, Bùi Thị T, Nguyễn Xuân S và Nguyễn Sơn T là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Quốc Đ, Nguyễn Xuân S, Võ Đình T, Hồ Thị B, Lê Thị Đ, Đặng Thái S và Đặng Thành H là những người có nhân thân xấu:

1. Đối với bị cáo **Nguyễn Hữu H** có 01 tiền án về tội đánh bạc.

- Bản án số 32/HSST ngày 22/8/2003 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời gian thử thách 24 tháng.

- Bản án số 58/2005/HSST ngày 22/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 năm tù về tội tàng trữ, lưu hành tiền giả. Tổng hợp hình phạt 09 tháng tù tại bản án số 32/HSST ngày 22/8/2003 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 năm 09

tháng tù; 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 08/3/2008 chấp hành xong toàn bộ bản án.

- Bản án số 34/2019/HSST ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xử phạt 30.000.000 đồng về tội Đánh bạc; 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 23/4/2020 chấp hành xong toàn bộ bản án *(chưa được xóa án tích)*.

2. Đối với bị cáo **Nguyễn Quốc Đ** có Tiền án: 01 tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Bản án số 76/2013/HSST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 07 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy; phạt bổ sung 5.000.000 đồng; 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 05/5/2019 chấp hành xong hình phạt tù và 40.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Còn 160.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 5.000.000 đồng tiền phạt bổ sung chưa thi hành *(chưa được xóa án tích)*.

3. Đối với bị cáo **Hồ Thị B** - Bản án số 16/2007/HSST ngày 24/01/2007 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội đánh bạc; 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 24/01/2008 chấp hành xong toàn bộ bản án *(đã được xóa án tích)*.

4. Đối với bị cáo **Võ Đình T** - Bản án số 222/2008/HSST ngày 06/8/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích; bồi thường số tiền 5.500.000đ; 50.000đ án phí hình sự sơ thẩm; 275.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Tháng 12/2008 chấp hành xong bồi thường số tiền 5.500.000đ; 50.000đ án phí hình sự sơ thẩm; 275.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Bản án số 216/2008/HSPT ngày 26/9/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích; 50.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Ngày 25/5/2010 chấp hành xong toàn bộ bản án *(đã được xóa án tích)*.

5. Đối với bị cáo **Nguyễn Xuân S**, Tiền án: 01 tiền án về tội cướp tài sản và tội trộm cắp tài sản.

- Bản án số 34/2011/HS-ST ngày 10/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xử phạt 06 năm tù về tội cướp tài sản; 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt là 07 năm 06 tháng tù; 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 15/3/2018 chấp hành xong toàn bộ bản án *(chưa được xóa án tích)*.

6. Đối với bị cáo **Lê Thị Đ**, - Bản án số 07/HSST ngày 11/8/2002 của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội đánh bạc; 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm *(đã được xóa án tích)*.

- Bản án số 21/2005/HSST ngày 11/11/2005 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử

thách 18 tháng về tội đánh bạc; phạt bổ sung 3.000.000 đồng; 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm (đã được xóa án tích).

- Bản án số 30/2010/HSST ngày 02/11/2010 của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xử phạt 05 tháng tù và trả tự do tại phiên tòa, về tội đánh bạc; phạt bổ sung 3.000.000 đồng; 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 10/6/2011 chấp hành xong toàn bộ bản án (đã được xóa án tích).

- Bản án số 15/2012/HSST ngày 13/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum xử phạt 06 tháng tù (bị tạm giam 01 tháng 29 ngày) nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng; 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 20/8/2014 chấp hành xong toàn bộ bản án (đã được xóa án tích).

- Bản án số 11/2014/HS-ST ngày 11/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt 30 tháng tù về tội đánh bạc. Được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam là 01 tháng 18 ngày, hình phạt còn phải chấp hành là 28 tháng 12 ngày tù. Tổng hợp với bản án số 15/2012/HSST ngày 13/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum, buộc chấp hành chung cho cả hai bản án là 32 tháng 13 ngày tù; phạt bổ sung 5.000.000 đồng; 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 04/11/2016 chấp hành xong toàn bộ bản án (đã được xóa án tích).

7. Đối với bị cáo **Đặng Thành H**, 03 tiền án (trong đó: 01 tiền án về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng; 01 tiền án về tội đánh bạc; 01 tiền án về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc và gá bạc).

- Bản án số 125/HSST ngày 09/7/2004 của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 07 tháng tù về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng; phạt bổ sung 1.000.000 đồng; 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

- Bản án số 16/2005/HSST ngày 27/4/2005 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xử phạt 7.000.000 đồng về tội Đánh bạc; 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 31/7/2009 chấp hành xong toàn bộ bản án.

- Bản án số 79/2009/HSST ngày 4, 5/8/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Đánh bạc, 04 năm tù về tội tổ chức đánh bạc và gá bạc. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cả 2 tội là 07 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù của bản án số 74/2009/HSPT ngày 10/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 10 năm 06 tháng tù; phạt bổ sung 30.000.000 đồng; truy thu 67.500.000 đồng; 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bản án số 13/2009/HSPT ngày 22/10/2009 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Đánh bạc, 04 năm tù về tội tổ chức đánh bạc và gá bạc. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cả 2 tội là 07 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù của bản án số 74/2009/HSPT ngày 10/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 10 năm 06 tháng tù; 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Ngày 26/7/2018 chấp hành xong hình phạt tù; chấp hành xong 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm và 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung. Chưa chấp hành 20.000.000 đồng tiền

phạt bổ sung và 67.500.000 đồng tiền truy thu (bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm).

- Bản án số 24/2008/HSST ngày 05/11/2008 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm 05 tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt 07 tháng tù của bản án số 125/HSST ngày 09/7/2004 của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 03 năm tù; 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm (đã được xóa án tích).

- Bản án số 74/2009/HSPT ngày 10/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm 05 tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt 07 tháng tù của bản án số 125/HSST ngày 09/7/2004 của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 03 năm tù; 50.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm (đã được xóa án tích).

8. Họ và tên: **Đặng Thái S**, Bản án số 09/2020/HS-ST ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 05 năm tù về tội tổ chức đánh bạc; 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bản án kháng cáo chưa xét xử phúc thẩm.

[5] Về tình tiết tăng nặng:

- Các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Quốc Đ, Nguyễn Xuân S phạm tội khi chưa được xóa án tích nên cần áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự làm tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” đối với các bị cáo.

- Các bị cáo Đặng Thành H, Trần Văn T, Trần Thị T, Võ Đình T, Nguyễn T, Hồ Thị B, Nguyễn Thanh P, Bùi Thị T, Lê Thị Đ, Đặng Thái S, Nguyễn Xuân S và Nguyễn Sơn T không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ:

- Các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Quốc Đ, Trần Văn T, Trần Thị T, Võ Đình T, Nguyễn Xuân S, Nguyễn T, Hồ Thị B, Nguyễn Thanh P, Bùi Thị T, Lê Thị Đ, Đặng Thái S, Nguyễn Xuân S và Nguyễn Sơn T, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho tất cả các bị cáo để giảm nhẹ phần nào trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

- Đối với các bị cáo Trần Văn T, Trần Thị T, Nguyễn T, Nguyễn Thanh P, Đặng Thái S, Bùi Thị T, Nguyễn Xuân S và Nguyễn Sơn T, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho tất cả các bị cáo để giảm nhẹ phần nào trách nhiệm hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thanh P đang bị bệnh hiểm nghèo, do đó cần áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ đối với hai bị cáo.

[7] Trong vụ án này mức độ xất phạt trên chiếu bạc, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo có khác nhau. Do đó khi định tội, lượng khung hình phạt cần phải phân hoá, xem xét nhân thân, hoàn cảnh của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng mới bảo đảm sự công bằng của pháp luật.

- Đối với bị cáo Nguyễn Hữu H có một tiền án về tội đánh bạc chưa được xoá án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, sửa chữa mình mà cố tình thực hiện hành vi đánh bạc để trục lợi. Do đó, cần áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Quốc Đ, Nguyễn Xuân S là người được bị cáo Huệ rủ để tham gia đánh bạc, các bị cáo tham gia với vai trò tích cực, hai bị cáo đã có tiền án chưa được xoá án tích nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội để trục lợi. Do đó, cần áp dụng cho hai bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

- Đối với bị cáo Đặng Thái S, tại Bản án số 09/2020/HS-ST ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 05 năm tù về tội tổ chức đánh bạc; 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bản án kháng cáo chưa xét xử phúc thẩm và bản án chưa có hiệu lực pháp luật nhưng bị cáo cố tình thực hiện hành vi đánh bạc để trục lợi. Do đó, cần áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

- Đối với các bị cáo Hồ Thị B, Võ Đình T, Lê Thị Đ các bị cáo đều có tiền án và đã được xoá án tích, trong quá trình điều tra, qua xác minh thì các bị cáo có tài sản cùng gia đình. Tuy nhiên, trước khi xét xử các bị cáo và gia đình có đơn xin áp dụng hình phạt tiền và cam kết nộp phạt cho các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử, cần áp dụng khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

- Đối với các bị cáo Trần Văn T, Trần Thị T, Nguyễn T, Nguyễn Thanh P, Bùi Thị T, Nguyễn Xuân S và Nguyễn Sơn T, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần vi phạm pháp luật này không có vi phạm nào khác, các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Điều 2 của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự và không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú trực tiếp giám sát, giáo dục là đủ, tạo điều kiện cho các bị cáo trở thành công dân tốt, thể hiện sự khoan hồng của nhà nước và pháp luật.

- Đối với bị cáo Đặng Thành H bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 nên việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là cần thiết và xử phạt bị cáo mức án cao hơn các bị cáo khác là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo kết quả xác minh các bị cáo không có tài sản riêng nào khác nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[9] Về vật chứng của vụ án:

- Việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ và ra quyết định xử lý vật chứng trả lại:

+ 01 xe mô tô kiểu dáng Max, biển kiểm soát 70T1-4491 (đã mất biển kiểm soát), số máy: RMWDCG1MW7H016635, Số khung: VZS150FMG016635 cho bà Bùi Thị T là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô màu đen - xanh, biển kiểm soát 48F9 – 4219 cho ông Nguyễn T là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô honda Wave RSX, màu đen- đỏ, biển kiểm soát 48H1 – 7732 cho bà Bùi Thị Hoa là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô kiểu dáng Dream, biển kiểm soát 48E1 – 062.34 cho ông Nguyễn T Cường là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 48E1 – 115.46 cho ông Đào Trọng Thế là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu honda, loại Vision, biển kiểm soát 48E1 – 263.88 cho bà Đào Thị Miêu là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu Sufat, loại C110 màu xanh, biển kiểm soát 48F7 – 8772 cho bà Nguyễn Thị H là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu vàng - đen, biển kiểm soát 47H7 – 1599 và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA, màu xám – đen, có gắn sim số thuê bao 0934.411.119 cho ông Đặng Thành H là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu honda, loại Winner x, màu xanh-bạc-đen, biển kiểm soát 48E1 – 320.07 cho ông Nguyễn Như Y là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô kiểu Dream, biển kiểm soát 47H1 – 8529 cho bà Đào Thị Bích Nga là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu Hadosiva màu nâu, biển kiểm soát 47F8 – 9769 cho ông Nguyễn Văn Hoan là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đen-trắng, biển kiểm soát 48E1 – 050.24 cho ông Nguyễn Thanh P là chủ sở hữu.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, loại A37f có gắn sim số thuê bao 0825.699.710 cho ông Nguyễn Hữu H là chủ sở hữu.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu MOBIISTAR, màu trắng có gắn sim số thuê bao 0965.696.922 và 600.000 đồng cho ông Đinh Văn T là chủ sở hữu.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG, loại Galaxy J6 màu vàng có gắn sim số thuê bao 0352.565.593 cho ông Nguyễn Quốc Đ là chủ sở hữu.

+ Số tiền 9.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H là chủ sở hữu.

Hội đồng xét xử xét thấy việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil xử lý là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

- Đối với 01 chén nhựa; 01 đĩa sứ bị vỡ; 04 quân vị hình tròn; 01 chiếc nhựa màu xanh; 01 kéo màu xanh; 01 bảng vị sen ko được làm bằng tờ giấy đôi kẻ

ô ly, là công cụ phạm tội, do không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- Đối với số tiền 41.310.000 đồng các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

- Đối với số tiền 1.200.000 đồng thu giữ của Bùi Thị T, kết quả điều tra đã chứng minh số tiền này Tâm không sử dụng vào mục đích đánh bạc, cần trả lại cho bị cáo Bùi Thị T là phù hợp.

[10]Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu H (H), Nguyễn Quốc Đ (Tèo), Trần Văn T, Trần Thị T, Võ Đình T (Beo), Nguyễn Xuân S, Nguyễn T (Tiểu), Hồ Thị B, Nguyễn Thanh P (P), Bùi Thị T, Lê Thị Đ, Đặng Thái S, Đặng Thành H (H), Nguyễn Xuân S và Nguyễn Sơn T về tội “Đánh bạc”.

1.1 Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Thành H (H) từ 03 (ba) năm tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2020 đến ngày 10/4/2020) thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H (H) 09 (chín) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2020 đến ngày 13/5/2020) thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.3 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Đ (Tèo) 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.4 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân S 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.5 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Thái S 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.6 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Võ Đình T (Beo) 25.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thời hạn nộp tiền tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.7 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Đ 45.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), thời hạn nộp tiền tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.8 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Hồ Thị B 25.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thời hạn nộp tiền tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.9 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Bùi Thị T 09 (chín) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng thử thách tính từ ngày tuyên án sở thẩm.

1.10 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Nguyễn T (Tiểu) 09 (chín) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng thử thách tính từ ngày tuyên án sở thẩm.

1.11 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Trần Thị T 09 (chín) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng thử thách tính từ ngày tuyên án sở thẩm.

1.12 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng thử thách tính từ ngày tuyên án sở thẩm.

1.13 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thanh P (P) 06 (sáu) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm thử thách tính từ ngày tuyên án sở thẩm.

1.14 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Nguyễn Xuân S 09 (chín) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng thử thách tính từ ngày tuyên án sở thẩm.

1.15 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Nguyễn Sơn T 09 (chín) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng thử thách tính từ ngày tuyên án sở thẩm.

Giao các bị cáo Bùi Thị T, Nguyễn T, Trần Thị T, Trần Văn T, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Xuân S và Nguyễn Sơn T về cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nơi bị cáo cư trú và gia đình phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ và ra quyết định xử lý vật chứng trả lại:

+ 01 xe mô tô kiểu dáng Max, biển kiểm soát 70T1- 4491 (đã mất biển kiểm soát), số máy: RMWDCG1MW7H016635, Số khung: VZS150FMG016635 cho bà Bùi Thị T là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô màu đen-xanh, biển kiểm soát 48F9 – 4219 cho ông Nguyễn T là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô honda Wave RSX, màu đen- đỏ, biển kiểm soát 48H1 – 7732 cho bà Bùi Thị Hoa là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô kiểu dáng Dream, biển kiểm soát 48E1 – 062.34 cho ông Nguyễn T Cường là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 48E1 – 115.46 cho ông Đào Trọng Thế là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu honda, loại Vision, biển kiểm soát 48E1 – 263.88 cho bà Đào Thị Miêu là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu Sufat, loại C110 màu xanh, biển kiểm soát 48F7 – 8772 cho bà Nguyễn Thị H là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu vàng - đen, biển kiểm soát 47H7 – 1599 và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA, màu xám – đen, có gắn sim số thuê bao 0934.411.119 cho ông Đặng Thành H là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu honda, loại Winner x, màu xanh-bạc-đen, biển kiểm soát 48E1 – 320.07 cho ông Nguyễn Như Y là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô kiểu Dream, biển kiểm soát 47H1 – 8529 cho bà Đào Thị Bích Nga là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu Hadosiva màu nâu, biển kiểm soát 47F8 – 9769 cho ông Nguyễn Văn Hoan là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đen-trắng, biển kiểm soát 48E1 – 050.24 cho ông Nguyễn Thanh P là chủ sở hữu.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, loại A37f có gắn sim số thuê bao 0825.699.710 cho ông Nguyễn Hữu H là chủ sở hữu.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu MOBIISTAR, màu trắng có gắn sim số thuê bao 0965.696.922 và 600.000 đồng cho ông Đinh Văn T là chủ sở hữu.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG, loại Galaxy J6 màu vàng có gắn sim số thuê bao 0352.565.593 cho ông Nguyễn Quốc Đ là chủ sở hữu.

+ Số tiền 9.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H là chủ sở hữu.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chén nhựa; 01 đĩa sứ bị vỡ; 04 quân vị hình tròn; 01 chiếu nhựa màu xanh; 01 kéo màu xanh; 01 bảng vị sen ko được làm bằng tờ giấy đôi kẻ ô ly, là công cụ phạm tội do không có giá trị sử dụng.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 41.310.000 đồng các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Thị T số tiền 1.200.000 đồng thu giữ của Bùi Thị T, kết quả điều tra đã chứng minh số tiền này Tâm không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Quốc Đ, Trần Văn T, Trần Thị T, Võ Đình T, Nguyễn Xuân S, Nguyễn T, Hồ Thị B, Nguyễn Thanh P, Bùi Thị T, Lê Thị Đ, Đặng Thái S, Đặng Thành H, Nguyễn Xuân S và Nguyễn Sơn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKS ND huyện Đắk Mil;
- Đội điều tra CA huyện Đắk Mil;
- Đội THAHS CA huyện Đắk Mil;
- Bộ phận NVHS CA huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA DS huyện ĐắkMil;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Đình Minh